

Bản án số: 29/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 22/01/2025

V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Vinh

2. Ông Hoàng Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T - thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T – thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 529/2024/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số: 110/2024/QĐ – HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Trú tại: xóm 3, thôn 1, xã V, huyện T, thành phố H

* **Bị đơn:** Chị Đinh Thị T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Trú tại: xóm 3, thôn 1, xã V, huyện T, thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng H trình bày:*

Anh Nguyễn Hoàng H và chị Đinh Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P vào ngày 01.12.2015. Sau khi kết hôn, anh H và chị T sống cùng với bố mẹ anh H tại xóm 3, thôn 1, xã V, huyện T, thành phố H. Hai bên sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ảnh hưởng của dịch covid nên kinh tế vợ chồng gặp khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm, cãi vã nhau và do hai bên bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhằm giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng không thành. Do vậy, tuy vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc và chia sẻ với nhau các vấn đề phát sinh trong đời sống chung. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2022 đến nay. Anh H vẫn sống cùng nhà với bố mẹ, chị T thường xuyên đi vắng và chỉ thi thoảng mới về thăm con, chị T đưa cháu Đức M đi đâu anh H cũng không biết. Anh H đã hỏi

chị T địa chỉ nơi chị và cháu Đức M thường xuyên sống nhưng chị T giấu không cho anh H biết.

Nay, do vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, không thể giải quyết, hai bên không còn tình cảm và cũng không có khả năng đoàn tụ nên anh H xin ly hôn chị T. Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 06.10.2016 và cháu Đình Đức M, sinh ngày 22.01.2022. Ly hôn, anh H xin nuôi cháu Trà M và đề nghị chị T nuôi cháu Đức M. Do mỗi người nuôi một con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nhà ở, công nợ: Anh H xá định anh và chị T không có, không tranh chấp, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

* *Đối với bị đơn:* Trong quá trình tiến hành tố tụng, chị Đình Thị T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành, tòa án mở phiên hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T vẫn cố tình vắng mặt, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Để đảm bảo quyền lợi của chị Đình Thị T, tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các thủ tục tố tụng như: Giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử... theo đúng quy định của pháp luật, chị T vẫn không đến giải quyết vụ án; không cung cấp lời khai, trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.
- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước phiên tòa xét xử vụ án: Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng; Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án, không đến Tòa án làm việc cũng như không thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác của đương sự.

+ Về nội dung: Anh H và chị T mâu thuẫn đã lâu, anh chị không có khả năng đoàn tụ chung sống. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H cho anh H được ly hôn với chị T. Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 06.10.2016 và cháu Đình Đức M, sinh ngày 22.01.2022. Giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trà M và chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đức M. Anh H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét. Chị T không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên tòa không xét. Về tài sản, nhà ở, công nợ: Anh H không yêu cầu tòa giải quyết nên không xét. Anh H phải nộp án phí theo quy định pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự có trong hồ sơ và tại phiên tòa được thẩm tra, tranh luận công khai, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. **Về tố tụng và việc xét xử vắng mặt bị đơn:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho bị đơn theo địa chỉ trong đơn khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không đến tòa làm việc. Theo cung cấp của Công an xã V huyện T, H là nơi cư trú của chị T thì chị T đang có thông

tin cư trú tại thôn 1, xã V, huyện T, Thành phố H. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng chị T vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và ra bản án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng H và chị Đinh Thị T xác lập quan hệ hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 01.12.2015 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P. Anh H xin ly hôn với chị T do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm. Chị T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp lời khai, quan điểm về việc giải quyết vụ án. Gia đình anh H cho biết anh chị kết hôn và chung sống cùng gia đình nhưng cuộc sống của anh chị không hạnh phúc. Gia đình cũng đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn cho anh chị nhưng không thành. Anh H và chị T đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, chị T thường xuyên vắng nhà chỉ thi thoảng về thăm con, gia đình không biết chị T đi đâu. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh chị sinh sống được cung cấp mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã kéo dài, trầm trọng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T đã kéo dài, trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H, cho anh H được ly hôn với chị Đinh Thị T.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 06.10.2016 và cháu Đinh Đức M, sinh ngày 22.01.2022. Hiện, cháu Trà M đang sinh sống với anh H, cháu Đức M sống cùng chị T. Chị T không có ý kiến về việc nuôi con sau ly hôn. Anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trà M và giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đức M. Do mỗi người nuôi dưỡng một con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu M và cháu M đang trong độ tuổi phải chăm sóc, giáo dục. Từ khi anh chị sống ly thân, cháu Trà M vẫn sinh sống cùng với anh H ở nhà ông bà nội. Gia đình anh H sẵn sàng hỗ trợ anh H trong việc chăm sóc, giáo dục cháu Trà M. Chị T đưa cháu Đức M ra ngoài sinh sống. Hiện, anh chị mỗi người nuôi dưỡng 1 con chung. Anh H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Trà M và giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Đức M. Để đảm bảo ổn định cuộc sống, học tập cũng như tâm lý cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình, giao anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trà M, chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu Đức M. Anh H không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên tòa không xét. Anh H, chị T có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: Anh H khẳng định không có, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết nên không xét.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, điều 273 bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, 235, 147, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng H được ly hôn với chị Đinh Thị T.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 06.10.2016 và cháu Đinh Đức M, sinh ngày 22.01.2022. Giao anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trà M, giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đức M. Anh H không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Anh H, chị T có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: Không có, không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết nên tòa không xét.

4. Về án phí: Anh H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền anh H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số BLTU/23 số 0056364 ngày 12.11.2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, H. Anh H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP H;
- Viện kiểm sát nhân dân H. T;
- Chi cục thi hành án dân sự H. T;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh P (Giấy chứng nhận kết hôn số 39/077.12.2015);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương

